

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 129 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bộ định mức và đơn giá một số dịch vụ công ích
trên địa bàn thành phố Đà Lạt

CTY TNHH MTV DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TP ĐÀ LẠT
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 144 Ngày: 19/01 /2012

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 2930/STC-TCĐN ngày 31/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ định mức và đơn giá một số dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Đà Lạt (có phụ lục chi tiết kèm theo) để làm căn cứ quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị thành phố Đà Lạt.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ đô thị thành phố Đà Lạt và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐMDN, XD, TC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Yên

**ĐÌNH LÂM ĐỒNG GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**
 Quyết định số: *129* /QĐ-UBND ngày *18* /01/2012
 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. CÔNG TÁC TRỒNG MỚI HOA, CÂY XANH:

I. TRỒNG HOA NGẮN NGÀY:

1. Chuyển đất vào bồn hoa:

Thành phần công việc:

- Vận chuyển đất từ nơi tập kết đến địa điểm trồng bằng thủ công, cự ly bình quân 30m.
- Chuyển đất vào bồn hoa, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.10	Công chuyển đất vào bồn hoa	<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 3,5/7	Công	0,33

2. Nĩa đất, úp phân, lượm đá để trồng hoa, cỏ:

a) Đất làm mới:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Lượm sạch đá và cỏ dại.
- Dùng cuốc xẻng xới tơi đất, trộn đều với tro trấu và phân theo đúng tỉ lệ.

b) Đất thực:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cây tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- Trộn đều phân theo tỉ lệ.

Đơn vị tính: 100 m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Đất mới	Đất thực
BS.CX.20	Nĩa đất, úp phân, dọn mặt bằng	<i>Vật liệu:</i> Phân chuồng	Kg	200	200
		<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 3,5/7	Công	2,5	1,5

3. Bốc cây giống đến hiện trường (hoa ngắn ngày):

Thành phần công việc:

- Vận chuyển cây giống, bằng thủ công từ vườn lên phương tiện vận chuyển hoặc từ vị trí tập kết đến vị trí trồng.
- Cây đặt đứng thẳng, không vỡ bầu, không gãy cành nhánh.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây vận chuyển đến vị trí trồng không bể bầu.

Đơn vị tính: 100 cây

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.30	Bốc cây giống, đến hiện trường	<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 3,0/7	công	0,1

4. Trồng hoa:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định.
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây sau khi trồng phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: 100 m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Túi	Chậu
BS.CX.40	Trồng hoa	<u>Vật liệu:</u>			
		Phân hữu cơ	kg	200	200
		Phân vô cơ	kg	5	5
		Hoa chậu (Ø17cm)	Chậu		900
		Hoa túi (Ø10cm)	Túi	1.200	
		<u>Nhân công:</u>			
		Bậc thợ bình quân 4/7	Công	1,25	1,25
				1	2

5. Dọn vệ sinh, xúc chuyển cỏ rác đi đổ:

Thành phần công việc:

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc và thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Xúc rác thải lên xe để vận chuyển đi đổ.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.50	Dọn vệ sinh, xúc chuyển cỏ rác đi đổ	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3/7	Công	1

II. TRỒNG CÂY XANH:

1. Đào hố trồng cây xanh (kích thước hố 0,5 x 0,5 x 0,5 và 0,7 x 0,7 x 0,7):

Thành phần công việc:

- Đào hố, để đất riêng một bên, cỏ đá lẫn trong đất để riêng một bên.

Đơn vị tính: 1 Hố

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				0,5x0,5x0,5	0,7x0,7x0,7
BS.CX.60	Đào hố trồng cây dài ngày	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3,5/7	Công		
				0,1	0,26
				1	2

- Định mức trên áp dụng đối với loại đất cấp 1 và 2, hệ số K=1.
- Đất cấp 3 áp dụng hệ số K=1,5.

2. Bốc cây xanh:

Thành phần công việc:

- Bóc cây bằng thủ công: từ vườn bóc lên phương tiện vận chuyển hoặc từ vị trí tập kết đến vị trí trồng.

- Cây đặt nằm nghiêng, không vỡ bầu, không gãy cành nhánh.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây vận chuyển đến vị trí trồng không được bể bầu.

Đơn vị tính: 100 cây

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.70	Bóc cây xanh bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3,5/7	Công	1,33

3. Bóc xếp cọc rào:

Thành phần công việc:

- Vận chuyển cọc rào lên xuống xe hoặc từ vị trí tập kết đến vị trí trồng cây cự ly bình quân 30m.

- Loại cọc tròn, đường kính 3-5cm, chiều cao 2,5m.

Đơn vị tính: 100 cọc

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.80	Bóc xếp cọc rào	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3/7	Công	0,3

4. Bón phân vào hố trước khi trồng cây xanh:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Bón vào hố, đất và phân được trộn đều trước khi trồng cây.

Đơn vị tính: 1 Hố

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.90	Bón phân vào hố trước khi trồng cây xanh	<u>Vật liệu:</u>		
		Phân chuồng	Kg	10
		Phân lân vi sinh	Kg	0,5
		<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3,5/7	Công	0,02

5. Trồng cây và lấp hố, cắm cọc rào:

Thành phần công việc:

- Xé bầu, đặt bầu cây vào hố trồng.

- Lấp đất, lèn chặt đất làm bồn, cắm cọc, coắt dây, làm rào bảo vệ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Khi xé bầu, cây không bị bể bầu.

- Cây sau khi trồng phát triển xanh tốt bình thường, cây không bị nghiêng.

Đơn vị tính: 1 cây

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.100	Trồng cây xanh	<u>Vật liệu:</u>		
		Cây trồng	Cây	1
		Cọc gỗ tròn đường kính 3-5cm, dài 2,5m	Cọc	4
		Dây buộc	Kg	0,03
		<u>Nhân công:</u>		

		Bậc thợ bình quân 3.5/7	Công	0,04.
--	--	-------------------------	------	-------

III. CHĂM SÓC BẢO HÀNH:

1. Chăm sóc bảo hành công trình trong 3 tháng:

Thành phần công việc:

- Được tính từ sau khi công trình thi công được nghiệm thu và bảo hành trong 3 tháng. Bao gồm: tưới nước, vun bồn, sửa cọc chống, dọn dẹp vệ sinh.
- Cây sau thời gian bảo hành 3 tháng cây phát triển xanh tốt, cây không bị nghiêng, xung quanh gốc cây không có rác, cỏ dại, cài chồi nhánh được cắt tỉa gọn.

Đơn vị tính: 100 m²/3 tháng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.110	Bảo hành công trình sau khi trồng	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3,0/7	Công	4,8

2. Bảo hành cây xanh trong 1 năm:

Thành phần công việc:

- Dãy cỏ, vun gốc.
- Vệ sinh quanh gốc cây, xăm đất tạo sự thông thoáng.
- Chống sửa cây ngã.

Đơn vị tính: 100 cây/tháng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.120	Dãy cỏ, vun gốc, chăm sóc cây xanh	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3/7	công	2

3. Tuần tra bảo vệ cây xanh: (sau thời gian bảo hành)

Thành phần công việc:

- Sau thời gian bảo hành được tuần tra bảo vệ sau thời gian bảo hành, công trình được tuần tra bảo vệ trong 1 năm.
- Thực hiện 3 ca/ngày, 365 ngày/năm.
- Thường xuyên tuần tra bảo vệ, ngăn chặn kịp thời con người phá hoại nhỏ cây trồng.

Đơn vị tính: 1 cây/tháng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.130	Tuần tra bảo vệ cây xanh sau khi trồng 1 năm	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3/7	Công	0,01

B. CÔNG TÁC DUY TRÌ, CHĂM SÓC THƯỜNG XUYỀN:

Tham khảo bộ định mức bổ sung chuyên ngành công viên cây xanh của Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bảo vệ cây hoa vòng xoay, tiểu đảo, dải phân cách:

Thành phần công việc:

- Thực hiện 3 ca/ngày, 365 ngày/năm.
- Thường xuyên tuần tra bảo vệ, ngăn chặn kịp thời con người phá hoại nhỏ cây trồng.

Đơn vị tính: 100m²/ngày đêm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn	Số lượng
---------	---------------	--------------------	-----	----------

			vị	Vòng xoay, tiêu đảo	Dải phân cách
BS.CX.140	Bảo vệ vòng xoay, tiêu đảo, dải phân cách	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3/7	Công	0,15 1	0,1 2

2. Tuân tra bảo vệ công viên:

Thành phần công việc:

- Thực hiện 3 ca/ngày, 365 ngày/năm.
- Thường xuyên tuân tra bảo vệ, ngăn chặn kịp thời con người phá hoại nhỏ cây trồng.

Đơn vị tính: ha/ngày đêm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.150	Bảo vệ công viên	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3/7	Công	4

3. Quét rác trong công viên:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động.
- Quét sạch rác bẩn, thu gom, vận chuyển đến nơi quy định.
- Vệ sinh dụng cụ và cất vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Số ngày thực hiện: 365 ngày/ năm.
- Đường, bãi luôn sạch sẽ, không có rác bẩn. Công tác quét rác phải hoàn thành vào thời gian trước 9 giờ.

Đơn vị tính: 1.000 m²/ ngày

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.160	Quét rác trong công viên	<u>Vật liệu:</u>		
		Chổi tre dài	Cái	0,0137
		Chổi tre ngắn	Cái	0,005
		Cán chổi dài	Cái	0,002
		Cán chổi ngắn	Cái	0,0008
		Xẻng, cán xẻng	Cái	0,0017
		Dây thép buộc	Kg	0,0008
		<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,4

4. Nhặt rác công viên:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ gấp rác, thùng hoặc bao để đựng rác.
- Nhặt sạch rác (không bao gồm lá cây rớt từ cây xanh) trên toàn bộ diện tích công viên.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Số ngày thực hiện: 365 ngày/năm.
- Đảm bảo toàn bộ diện tích công viên luôn sạch sẽ.

Đơn vị tính: 1.000 m²/ngày

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.170	Nhặt rác công viên	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,016

5. Nhặt rác bồn hoa, bồn kiềng trên giải phân cách, tiểu đảo:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động.
- Nhặt sạch rác trên toàn bộ các bồn hoa bồn kiềng

Yêu cầu kỹ thuật:

- Số ngày thực hiện: 365 ngày/ năm.
- Đảm bảo toàn bộ bồn hoa, bồn kiềng trên dải phân cách, tiểu đảo sạch rác trước

09 giờ.

Đơn vị tính: 1.000 m²/ngày

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
BS.CX.180	Nhặt rác bồn hoa bồn kiềng trên dải phân cách, tiểu đảo	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,56

6. Vận chuyển rác cây xanh:

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và trang bị phòng hộ lao động.
- Hốt sạch rác tại điểm tập trung lên xe vận chuyển.
- Phủ bạt trước khi xe chạy.
- Vận chuyển và xuống rác tại bãi.
- Vệ sinh phương tiện dụng cụ lao động khi xong công việc.
- Sử dụng ô tô trọng tải 02 tấn, cự li vận chuyển trong phạm vi 05km.

Đơn vị tính: cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
BS.CX.190	Vận chuyển rác cây: lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé nhánh, tạo tán	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,0034	0,104	0,242
		<u>Máy thi công:</u> Ô tô tải 2 tấn	ca	0,0025	0,015	0,056
				1	2	3

ĐƠN GIÁ TỪNG HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH NĂM 2012

1. Đơn giá hoạt động vệ sinh môi trường:

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá
1	MT1.01.00	Quét, gom rác đường ban ngày bằng thủ công	Đồng/Km/Ngày	674.847

2	MT1.02.00	Quét, gom rác đường - hè phố bằng thủ công	Đồng/10.000m ² /ngày	843.558
3	MT1.04.00	Công tác tua vĩa hè	Đồng/Km /ngày	404.908
4	MT1.05.00	Vệ sinh ngõ xóm, hẻm	Đồng/Km /ngày	590.491
5	MT1.06.00	Xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết lên ô tô bằng thủ công	Đồng/Tấn	229.063
6	MT2.02.01	Thu gom rác sinh hoạt bằng xe rác 4 tấn cự ly TB 20km	Đồng/Tấn	238.791
7	MT2.11.01	Vận chuyển rác thải sinh hoạt bằng xe tải 7 tấn cự ly 20km	Đồng/Tấn	123.761
8	MT3.01.00	Công tác chôn lấp rác, công suất <500tấn/ngày	Đồng/Tấn	42.237

2. Hoạt động quản lý và vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng:

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá
1	CS.5.13.11	Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp < 10m	Đồng/Bộ/Lần	234.321
2	CS.6.01.2a	Vận hành trạm 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ - Chiều dài trạm dưới 500m	Đồng/Trạm/Ngày	67.497
3	CS.6.01.2b	Vận hành trạm 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ - Chiều dài trạm từ 500 - 1000m	Đồng/Trạm/Ngày	107.995
4	CS.6.01.2c	Vận hành trạm 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ - Chiều dài trạm từ 1000 - 1500m	Đồng/Trạm/Ngày	121.494
5	CS.6.01.2d	Vận hành trạm 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ - Chiều dài trạm từ 1500 - 3000m	Đồng/Trạm/Ngày	148.493
6	CS.6.01.2e	Vận hành trạm 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ - Chiều dài trạm trên 3000m	Đồng/Trạm/Ngày	161.993
7	CS.6.02.4	Kiểm tra tủ điện	Đồng/Tủ/Lần	987.760

3. Hoạt động Trồng, chăm sóc hoa cây xanh:

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá
A. DUY TRÌ THẨM CỎ				
1	CX .11112	Tưới nước thảm cỏ = bơm điện	Đồng/100m ² /lần	59.772
2	CX .11121	Tưới nước thảm cỏ = thủ công	Đồng/100m ² /lần	57.128
3	CX. 11131	Tưới nước thảm cỏ = xe bồn 5m3	Đồng/100m ² /lần	93.366
4	CX.1211	Cắt cỏ bằng máy	Đồng/100m ² /lần	54.298
5	CX.12131	Xén cỏ lè	Đồng/100m ² /lần	109.950

45 L/ha

6	CX.12141	Xén cỏ tạp	Đồng/100m ² /lần	109.950
B. DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ				
7	CX.21112	Tưới nước bồn hoa bằng máy bơm	Đồng/100m ² /lần	59.772
8	CX.21120	Tưới nước bồn hoa = thủ công	Đồng/100m ² /lần	70.311
9	CX.21131	Tưới nước bồn hoa bằng xe bồn	Đồng/100m ² /lần	93.366
10	CX.22111	Thay hoa giống mới	Đồng/100m ² /lần	8.621.45 9
11	CX.22112	Thay hoa giống cũ	Đồng/100m ² /lần	7.369.46 6
12	CX.22120	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	Đồng/100m ² /lần	59.554
13	CX.22130	Bón phân và xử lý đất, làm cỏ	Đồng/100m ² /lần	523.397
14	CX.22151	Duy trì cây hàng rào, đường viền	Đồng/100m ² /lần	5.593.457
15	CX.22160	Trồng dặm cây hàng rào, đường viền	Đồng/m ²	18.952
16	CX.23112	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây tạo hình = bơm điện	Đồng/100cây/lần	59.772
17	CX.23120	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây tạo hình = thủ công	Đồng/100cây/lần	65.917
18	CX.23131	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây tạo hình = xe bồn 5m ³	Đồng/100cây/lần	93.366
19	CX.24110	Duy trì cây hàng rào, đường viền	Đồng/100cây/năm	18.989.55 1
20	CX.24130	Duy trì cây cảnh tạo hình	Đồng/100cây/năm	14.346.28 3
21	CX.26150	Duy trì cây leo	Đồng/10cây/lần	39.982
C. DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT				
22	CX.31110	Duy trì cây bóng mát mới trồng	Đồng/cây/năm	501.797
23	CX.31130	Duy trì cây bóng mát loại 1 (cây loại 1 h < 6m đkgốc < 20cm)	Đồng/cây/năm	149.932
24	CX.31211	Quét vôi gốc cây, cây loại 1	Đồng/cây/lần	10.632
25	CX.31212	Quét vôi gốc cây, cây loại 2	Đồng/cây/lần	16.975

4. Hoạt động duy tu, bảo dưỡng đường bộ:

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá
1	TT.'01.111	Cắt cỏ, phát quang	Đồng/công/km/năm	493.896
2	AB.42312	V/C ô tô 5T cự ly 5km	Đồng/100m ³ /km	873.636
3	TT.'01.112	Vết rãnh (sửa mái taluy)	Đồng/công/km/năm	493.896
4	TT.'03.110	Khơi rãnh trời mưa	Đồng/công/km/năm	493.896
5	TT.'03.112	Vệ sinh mặt đường	Đồng/công/km/năm	493.896
6	TT.'03.111	Nắn cọc tiêu, biển báo	Đồng/công/km/năm	493.896

7	TT.'01.101	Tuần tra, kiểm tra	Đồng/công/km/năm	493.896
8	TT.'01.106	Trực bảo lữ	Đồng/công/km/năm	493.896
9	AB.13311	Đắp phụ nền. lè	Đồng/công/m ³	265.668
10	AB.22112	Bạt lè đường	Đồng/ca/100m ³	766.225
11	AB.11212	Hót đất, đá sứt nhỏ	Đồng/công/m ³	270.023
12	AB.11112	Đào rãnh dọc, ngang	Đồng/công/m ³	435.521
13	TT.'01.301	Thông công	Đồng/công/km/năm	480.923
14	AG.42111	Nhắc, đặt tấm đan	Đồng/Cái	75.057
15	TT.SC.33322	Láng nhựa chân chim	Đồng/10m ²	743.494
16	SC.321.26	Xử lý cao su, sinh lún	Đồng/10m ²	1.812.246
17	SC.333.12	Chống chảy mặt đường	Đồng/10m ²	228.912
18	SC.321.85	Dặm vá mặt đường bằng nhựa nguội	Đồng/10m ²	4.187.763
19	AD.26111	Sản xuất nhựa nguội	Đồng/100Tấn	20.155.925
20	AD.27211	Vận chuyển đá dăm nhựa nguội	Đồng/100Tấn	8.644.858